

TINH THẦN GIÁC NGỘ CỦA ĐẠO PHẬT QUA NGÀY LỄ VU-LAN

Hôm nay nhân ngày lễ Vu-lan, chúng tôi có một thời thuyết pháp với đề tài “TINH THẦN GIÁC NGỘ CỦA ĐẠO PHẬT”. Chúng tôi sẽ chỉ rõ tinh thần giác ngộ của lễ Vu-lan như thế nào cho tất cả quý vị thấy, vì chính đó là tinh thần giác ngộ của đạo Phật. Tinh thần giác ngộ đó sẽ diễn tiến từ thấp lên cao, đến chỗ tột đỉnh như thế nào, chúng tôi tuân tự giải thích qua cho tất cả quý vị rõ. Trước tiên tôi nói thẳng về ngày lễ Vu-lan.

Theo thường ở chùa, ngày rằm tháng bảy là ngày lễ “Tự tứ” của chư Tăng cũng gọi là Phật hoan hỷ nhật, cũng gọi là ngày Vu-lan-bồn, dịch âm tiếng Phạn. Ở Trung Hoa dịch nghĩa là Giải đảo huyền, tức là cứu hay cởi tội khổ bị treo ngược. Nói một cách khác là cứu tội khổ của những người đang đọa trong cảnh đau khổ địa ngục nạ quỷ. Đó là tên gọi, nhưng sở dĩ đặt ngày lễ Vu-lan vào ngày rằm tháng bảy là do ý nghĩa nào, tiêu chuẩn nào đức Phật nhắm như vậy?

Chúng tôi lần lượt giải thích các tiêu chuẩn đó. Bởi ngày xưa, lúc đức Phật tại thế, chư Tăng hoặc bốn vị hay nhiều hơn, đều phân tán đi nơi này nơi nọ giáo hóa. Đến mùa hạ, ở Ấn Độ mưa nhiều, nước lũ cho nên sự đi lại khó khăn. Đức Phật ra lệnh cho chư Tăng đến mùa hạ phải qui tụ một nơi để thúc liễm tu hành và kiểm soát lẫn nhau, để tu hành thể nào cho nghiêm chỉnh. Trong ba tháng hạ, tức là đến ngày rằm tháng bảy, chư Tăng nhắc nhở lẫn nhau trong hành động, ngôn ngữ, tư tưởng còn khuyết, còn sơ sót. Sau đó mỗi nhóm tùy phương tiện mà đi giáo hóa khắp nơi. Như vậy, ba tháng an cư tính từ rằm tháng tư đến rằm tháng bảy. Ngày rằm tháng bảy gọi là lễ “tự tứ”, có nghĩa là: Tự: mình, Tứ: mặc tỉnh, tức là chính mình đi ra giữa đại chúng, giữa chư Tăng cầu thỉnh tất cả chư Tăng xét thấy mình có những sơ sót nào, những lỗi lầm nào thì yêu cầu hoan hỷ chỉ dạy để cho mình nhận lấy lỗi lầm, ăn năn chừa cải. Đó là Tự tứ.

Trong bài văn tự tứ nói thế này:

Một vị Tăng hay là vị Tỳ-kheo đến trước những vị Tỳ-kheo khác có đức hạnh hơn thưa:

“Bạch Đại đức một lòng thương xót, con là Tỳ-kheo A hay B gì đó, trong ba tháng an cư, Đại đức hoặc thầy hoặc nghe hoặc nghi con có lỗi lầm gì thì thương xót chỉ dạy cho, con sẽ phát lồ sám hối đúng pháp.”

Như vậy, trong ba tháng an cư hoặc đích thân họ thấy những cái sơ sót của mình hoặc là họ nghe những người xung quanh nói lại những cái sơ sót của mình, hoặc là họ thấy cái sơ sót mà không biết có đúng hay không, trong lòng còn nghi ngờ. Trong ba trường hợp đó, mình đều ra cung thỉnh nói thẳng, chỉ thẳng ra cho mình biết dù cái đó chưa phải là tội. Họ còn nghi ngờ mà nói ra mình cũng sẵn sàng nghe, xét thấy đúng là

lỗi thì sám hối phát lồ, do đó tội lỗi sẽ giảm bớt. Như vậy mới là người làm lễ tự tứ đúng pháp. Quý vị thấy có gì đặc biệt trong lễ tự tứ này không?

Theo tâm lý con người như quý vị thấy, tất cả chúng ta ít có người muốn nói cái dở của mình, hoặc che cái hay của mình. Có người nào muốn nghe người ta nói cái xấu của mình hay không? Đa số đều muốn khoe cái hay mà sợ thấy cái dở của mình, cho nên luôn luôn người ta khoe cái hay và giấu cái dở mình. Đó là bệnh phổ thông của mọi người. Cái bệnh đó làm cho con người tiến hay lùi? Nếu có hay một chút đem ra khoe khoang, còn xấu thì che giấu để người ta không thấy, đó là tâm niệm hiểu danh. Nếu mình một lần làm xấu giấu được, không ai biết, không ai chỉ, không ai nhắc, thì lần xấu thứ hai, thứ ba sẽ theo đó mà diễn tiến. Càng che giấu tội lỗi thì tội lỗi càng nhiều. Cho nên cái bệnh che giấu khiến con người thoái bộ. Làm cho con người hư hỏng là bệnh hay khoe cái hay và che giấu cái dở của mình.

Tinh thần người Phật tử là tinh thần tự giác, cho nên chúng ta phải tự giác cái gì chúng ta xấu. Lỡ phạm tội lỗi chúng ta phải nhìn thẳng phải thấy rõ ràng, tự tỉnh, tự giác. Thấy được tội lỗi của mình, tự mình hối cải. Đó là tinh thần phát lồ. Phát lồ là gì? - Là vạch cái lỗi của mình trước mọi người, trước chư Tăng, trước quần chúng để cho người ta thấy rõ mình có cái dở đó, để mình hứa trước mọi người sẽ cải tiến không còn dở nữa. Tháng này tôi có cái dở đó, tôi phát lồ với quý vị, quý vị đã nhận đã chứng thật lời của tôi rồi, hứa rằng tháng sau tôi sẽ tiến hơn không còn dở như vậy nữa. Như thế mỗi tháng mỗi năm tôi đều phát lồ, trước tôi có dở mười, có yếu lắm đi nữa, lần lần tôi còn dở chín, dở tám rồi bảy chớ không đến nỗi nào trước sao, sau vậy. Nếu trước phát lồ rồi sau cũng phát lồ y như thế thì có hỏng thế nào không. Tự nhiên mình hổ thẹn, không thể nào chịu nổi. Giả sử mình có yếu đuối một lần phát lồ, lần sau có phạm hay có tội cũng ráng nhẹ hơn một chút, nếu nhiều lần như vậy tự nhiên lỗi càng ngày càng giảm xuống. Tinh thần phát lồ là tinh thần tự giác. Nếu mình không biết lỗi thì làm sao phát lồ. Biết lỗi là tinh hay mê? Nếu mê thì đâu biết lỗi. Người mê là người làm quấy không biết mình là quấy, làm sai không dám nhận mình là sai. Nếu mình quấy tự biết mình là quấy đó thật là tỉnh. Tỉnh tức là giác. Nhưng có người có tỉnh có giác mà không dám nói, không dám trình bày thì sao? - Đó là yếu đuối thiếu gan dạ. Cho nên đối với người tu phải có tinh thần tự giác tức biết nhận sự sai lầm, những lỗi của mình. Phải can đảm trình bày cái quấy của mình trước quần chúng để người ta chứng nhận cho mình điều đó. Hứa trước quần chúng mình sẽ cải đổi, chớ không hứa suông. Hứa như vậy để mà tiến bộ. Do đó nên người tu theo đạo Phật là người biết tự giác. Đó là tự nhận lỗi để phát lồ. Nhưng tự nhận lỗi không chưa đủ. Khi cái giác mình còn yếu chưa đầy đủ, cho nên có cái mình biết có cái mình chưa biết, mình dễ tha thứ cho mình lắm,

mình dễ quên cái dở của mình lắm. Cho nên đức Phật dạy chúng ta cần phải gan dạ hơn nữa, và phải can đảm nghe lời chỉ trích của bạn bè, của những người thiện tri thức lớn hơn mình. Như vậy khả dĩ bao nhiêu lỗi lầm của mình mới tiêu tan được, mới có thể ra ngoài vòng lỗi lầm được. Nếu mình không gan dạ nghe, không nhận những lời chỉ trích thì mình khó mà tiến được. Cho nên tinh thần “Tự tử” là tinh thần cầu những người chung quanh mình thấy những điều sơ sót những chỗ lỗi lầm do mình không thấy được, nhờ chỉ cho mình nhắc cho mình để cải tiến.

Như vậy người học đạo, người tu hành, nhất là người sống trong đoàn thể mà biết tự giác phát lộ lỗi mình và can đảm nghe lời chỉ dạy những lỗi lầm những sơ sót của mình, thì người đó có tiến bộ hay không? Đương nhiên chúng ta thấy tâm hồn con người đó là một tâm hồn tinh giác sáng suốt và họ là con người có ý chí quả cảm để cầu tiến. Nếu không cầu tiến thì đâu chịu nghe lời phê bình của người. Dám nghe lời phê bình để chấp nhận sửa đổi đó là tinh thần cầu tiến mạnh mẽ vô cùng. Do đó hai điểm quan trọng nhất của tinh thần tự tử là biết tự giác để phát lộ sám hối giữa đại chúng và thành tâm cầu xin chư Tăng vì mình chỉ lỗi cho. Sau khi được chỉ lỗi, vui mừng sám hối trước đại chúng. Như vậy tức là con người tự giác nhận lỗi để sửa đổi. Họ sẽ từ từ vươn lên, chớ không bao giờ đứng yên một chỗ. Cho nên người tu mà thiếu tinh thần phát lộ và thiếu tinh thần tự tử, người tu đó khó tiến được. Vì vậy trong đoàn thể chư Tăng, đến ngày rằm tháng bảy tức là ngày Tự tử. Ngày mà toàn thể đều ra giữa đại chúng phát lộ và cầu xin chư Tăng thấy, nghe, nghi những lỗi gì của mình đem ra chỉ dạy cho, để mình hứa nguyện sửa đổi. Đó là ngày đức Phật vui mừng nhất.

Bởi trông thấy đoàn thể đệ tử của mình biết tiến bộ và biết tinh giác, nên Phật hoan hỉ. Nếu không làm đúng như vậy, đức Phật không vui. Ngày đó là ngày được đức Phật khuyến khích cúng dường. Vì sao? Vì là ngày chư Tăng có tinh thần cao cả gan dạ nhận lỗi mình, và những lời phê bình chỉ trích của chung quanh, hứa sửa đổi. Thật đó là ngày quý giá đáng khen. Cho nên Phật nói chính ngày này mới là ngày toàn thể Phật tử cúng dường cầu nguyện có thể được như ý. Nếu chư Tăng không làm được như vậy thì cầu nguyện chưa chắc được như ý. Tại sao? Vì người biết tinh giác là người có ý chí cầu tiến thì đối với việc làm của họ có thể việc gì cũng xong. Đối với sự giúp đỡ người thì việc giúp đỡ nào cũng thành tựu. Bởi vì lúc nào họ cũng tinh giác và lúc nào cũng cầu tiến, người như vậy mới đạt được cái gì họ mong muốn. Và muốn lợi ích cho người mới thành tựu viên mãn. Cho nên đức Phật nói chỉ có ngày Tự tử cầu nguyện mới được như ý. Thành thử đức Phật khuyến khích, Phật tử theo tinh thần tự tử mà thực hiện lễ cầu nguyện. Nhưng thật ra nhằm khuyến khích chư Tăng nhiều hơn, khuyến khích tinh thần phát lộ và tinh thần tự tử.

Nhưng gần đây chúng ta đi ngược một chút với tinh thần tự tử của chư Tăng. Tỷ dụ như một chùa có một hai cô ni, một hai ông thầy, không an cư, không tự tử mà cũng tổ chức lễ Vu-lan long trọng, nói rằng cúng dường ngày Vu-lan là có phước, nào là giải đảo huyền, nào là xá tội vong nhân v.v... Mà khi đó quý vị chưa áp dụng đúng tinh thần tự tử. Họ không sống với tính cách đoàn thể, không sống đúng với tinh thần Phật muốn dạy, mà họ hồ hào như vậy thì quý vị thấy có hợp lý hay không? Vì vậy chúng ta phải thấy rõ người tu theo đạo Phật là đi trên con đường giác ngộ. Một việc nào cũng làm đúng theo tinh thần giác ngộ. Ngày tự tử là ngày tự giác của mọi người. Sau khi xét lại cái sai lầm, cái sai quấy của mình trong ba tháng để mình phát lộ sám hối và đồng thời nhờ chung quanh, những người có tinh thần cương trực, chỉ những lỗi lầm sơ sót của mình. Như vậy sự tiến bộ của mình càng ngày càng vươn lên. Tinh thần giác ngộ như vậy mới là tinh thần giác ngộ mạnh mẽ sáng suốt.

Đó là tôi nói thẳng cho quý vị thấy tinh thần tự tử của ngày rằm tháng bảy. Vì vậy ngày rằm tháng bảy này mới nên làm lễ Vu-lan, tức là Phật tử mới nên cúng dường để theo sở nguyện của mình. Cái sở nguyện được hay không được, đó là vấn đề khác. Nhưng điều đáng chú ý hơn hết là đức Phật đặt trọng vấn đề tự tử của chư Tăng, mới là ngày quan trọng.

Quý vị nhớ trong kinh Vu-lan, chuyện bà Thanh Đề, nhờ ngài Mục-kiền-liên cúng dường chư Tăng ngày rằm tháng bảy mới thoát được nghiệp nạ quỷ mà sanh lên cung trời Thiên Hoa Quang. Như vậy tinh thần cầu nguyện đó ảnh hưởng thế nào với người có tội lỗi? Chỗ này tôi nói thêm cho quý vị thấy tinh thần đạo Phật. Chính những việc làm đó không nằm trong các mê tín mà nằm trong tự giác, tại sao vậy?

Trước tôi xin kể những chuyện khác, dù chuyện này có tính cách ngụ ngôn, nhưng để quý vị thấy tinh thần của đạo Phật. Như đức Phật kể lại tiền thân của Ngài: “Thuở nọ Ngài là một đứa con bất hiếu. Khi Ngài chết rồi vào địa ngục. Ngay trong ngục tối, Ngài thấy ở đằng xa một đóm lửa sáng rực đi đến dần dần tới Ngài. Tới gần Ngài nhìn rõ ra là người đang bị một vòng lửa cháy đỏ rực trên đầu. Người đó la rên thảm thiết. Khi tới gần, Ngài hỏi: Anh ơi, anh làm tội gì mà chịu khổ lắm vậy? Chàng đó nói: Không giấu gì ông, thuở xưa tôi ở nhân gian, vì bất hiếu với cha mẹ, nên giờ đây tôi mới khổ như thế này.

Ngài hỏi: Tới bao giờ anh mới hết tội đó?

Chàng kia đáp: Chừng nào ở nhân gian có người nào bất hiếu như tôi, đến thế cho tôi, thì tôi mới hết.

Vừa nói thì vòng lửa bên đầu anh kia chập qua đầu của Ngài. Ngài bị đốt cháy đỏ rực, đau khổ quá Ngài rên la thảm thiết. Khi tỉnh lại, Ngài hỏi: Đầu tôi bị vòng lửa đốt cháy như thế

này, thưa anh chùng nào mới hết, mới khỏi cái khổ này? Anh kia nói: Chùng nào có người ở trên nhân gian bất hiểu như ông, xuống thế cho ông thì ông mới hết.

Khi đó Ngài liền nhớ cái khổ bị đốt như thế này đau đớn vô ngần, nếu có người chịu khổ như mình thì tội nghiệp họ quá, chi bằng để một mình mình chịu khổ thôi. Cho nên lúc đó Ngài liền phát nguyện: ‘Nguyện tất cả người trên thế gian, từ đây về sau đừng có ai bất hiểu như tôi, để một mình tôi chịu cái khổ này suốt đời suốt kiếp.’ Ngài vừa nguyện xong, bất thần vòng lửa bay đầu mắt. Ngài thấy Ngài sanh lại ở chỗ khác tốt đẹp, không còn vòng lửa nữa.”

Qua câu chuyện đó tuy có tính cách ngụ ngôn nhưng cho chúng ta thấy rõ một khi phát tâm từ bi rộng lớn, phát tâm đạo đức, thì bao nhiêu cái khổ cái xấu tan đi.

Ngài kể thêm một câu chuyện nữa: “Một thuở nọ Ngài cũng là một người đi săn bắn tàn bạo. Ngài chết và rơi vào địa ngục. Khi đó quỷ sứ bắt Ngài kéo trên một chiếc xe công kênh, phía sau có người cầm roi đánh. Ngài kéo nặng nề quá. Kéo qua chỗ tra tấn người, Ngài thấy những người khác bị đánh đập hành hạ đau khổ rên siết quá đỗi. Ngài động lòng thương nguyện rằng: ‘Tôi xin thế tất cả cái đau khổ của những người ở trong đây! Tất cả cái khổ của những người đang chịu, xin để cho mình tôi chịu.’ Ngài vừa phát nguyện như vậy thì tự thấy Ngài không còn ở địa ngục nữa.”

Qua hai câu chuyện trên đó, chúng ta thấy bà Thanh Đề, sở dĩ ra khỏi vòng nạ quỷ không phải chư Tăng có tài xuống đó dẫn bà lên. Không phải có một ông Diêm vương hay ông chúa ngục nào mở thả bà, ân xá cho bà. Cũng không phải ông Phật trên đài sen xuống cứu bà, mà chính vì tinh thần sáng suốt và ý chí mạnh mẽ cầu tiến của chư Tăng đồng chung một tâm niệm hướng về bà, mong bà cải đổi tâm niệm xấu xa. Do sự giao cảm đó mà bà tỉnh giác, chính bà tỉnh giác biết được tội lỗi của bà, nên bà hối hận chừa bỏ. Do đó bà thoát khỏi cái khổ nạ quỷ. Thoát khỏi là do tâm hối cải tỉnh giác chứ không phải do sức bên ngoài bắt mình hay thả mình. Đó là sự thật do tinh thần tỉnh giác của con người mà ra. Chỗ đó đối với quý vị hơi lạ, nhưng sự thật là thế.

Chúng ta thấy rằng tất cả cái khổ là gốc ở mê làm. Mê làm nên mới có hiểu sai quấy tự mình thấy mình khổ. Thí dụ chúng ta gặp một người mà mình có ác cảm, thấy mặt họ mình vui hay buồn? Người mà mình có ác cảm thấy mặt họ là mặt đối sắc, cảm thấy buồn cảm thấy khổ, khi phải đối đầu với họ. Nếu khi đó mình dẹp phiền não, có tâm niệm sáng suốt hơn, và tự hỏi tại sao mình xấu như vậy? Tại sao mình có ác cảm với người ta? Người ta cũng tốt, tại sao mình có niệm xấu với họ. Tự hỏi như vậy là mình có thể vui cười cùng họ và không còn bức bối khó chịu nữa. Quan niệm bức bối khó chịu đó là bởi

mình cố chấp, mình ghen ghét, mình xấu xa đối với mọi người. Gặp họ thấy họ là mình cảm như có cái gì bức bối, rồi tự mình chuốc khổ. Hết khổ không phải Phật cứu mình mà chính là nhờ mình đổi được quan niệm của mình.

Đến đây tôi kể một câu chuyện trong Thiên tông. Vị Tổ thứ tư Thiên tông là Tổ Đạo Tín, lúc còn làm Sa-di khi gặp Tổ Tăng Xán (Tổ thứ ba ở Trung Hoa), Ngài thưa: Bạch Hòa thượng dạy cho con phương pháp giải thoát.

Tổ nhìn sững vào mặt hỏi: Ai trói buộc chú?

Ngài quỳnh lên không biết ai trói buộc mình. Nhìn lại mình một hồi, Ngài thưa: Bạch Hòa thượng không ai trói buộc con hết.

Tổ bảo: Như vậy cầu giải thoát làm gì?

Ngài liền tỉnh ngộ.

Vì mình đeo một quan niệm đen tối nên cảm thấy mình xấu xa đau khổ. Giờ đây mình xem cái xấu xa đau khổ đó nó có từ đâu? Khi tìm lại thì quan niệm xấu xa đau khổ không còn nữa. Nhìn thẳng nó thì không thấy có, lúc đó liền hết khổ. Hết khổ ngay trong cái mình nhìn thẳng lại nó, mình trông không thấy nó. Như vậy để thấy rõ cái khổ hay không khổ gốc ở mê làm hay giác ngộ. Cho nên người giác ngộ là người thoát khổ, người mê làm là người đau khổ.

Đó là then chốt của đạo Phật. Đạo Phật cứu khổ không có nghĩa là cứu người này ở trong địa ngục đem bỏ trên trời. Hay là đem người này ở trong nạ quỷ đưa lên một cõi nào khác. Cứu khổ chính là chỉ dạy cho người ta giác ngộ. Mà giác ngộ rồi liền đó được giải thoát.

Tôi thí dụ một cách cụ thể hơn. Thí dụ có người bị bệnh ghiena á phiện. Khi họ bị ghiena mà không có tiền để mua á phiện, họ phải ụa mưa đủ thứ hết. Hôm nào đây họ tỉnh giác, họ thấy cái ghiena á phiện này là tai họa lớn. Thấy mình bị hao mòn khí lực, tài sản tiêu hao, làm mọi người lo sợ v.v... bây giờ nhất định cương quyết bỏ, không ghiena nữa. Khi họ giác ngộ, biết được tai họa của nó, cương quyết bỏ, thì từ đó về sau họ sẽ thắng được bệnh ghiena. Thắng được bệnh ghiena là họ hết khổ. Mà hết khổ đó là do ai? Do họ tự giác. Phải vậy không? Họ biết được cái dở, cả quyết chừa thì họ hết khổ. Nếu họ không biết cái dở, không biết cái đó là tai họa thì họ cứ đi sâu, đi sâu mãi không bao giờ ra khỏi khổ. Cho nên có giác ngộ mới được giải thoát. Có giác ngộ mới hết khổ. Đó là sự thật mà lâu nay chúng ta ít có quan niệm rõ. Chúng ta cứ tưởng rằng đi đến chùa cầu cúng rồi Phật làm cho mình hết khổ. Đó là cái hiểu lệch lạc của chúng ta. Tinh thần Phật tử đi chùa phải là tinh thần cầu học đạo để thấy phương pháp tu hành, để mình được giác ngộ. Mà giác ngộ chính là tự mình cứu khổ cho mình, chứ không phải ai cứu khổ cho mình được. Vì vậy

đức Phật đã từng nói: “Ta không có quyền ban ơn giáng họa cho ai.” Nếu Ngài có quyền ban ơn giáng họa cho người thì Ngài thành thần linh mất rồi, không phải là Phật nữa. Chính Ngài dạy phương pháp giác ngộ, tự chúng ta bỏ đi cái mê lầm, cái sai quấy của mình. Đó là cứu khổ, là điều căn bản của đạo Phật.

Hôm nay là ngày lễ Vu-lan, chúng ta phải biết rõ tinh thần Vu-lan. Đó là tinh thần tự giác và cầu tiến. Tự giác bằng cách nhìn thẳng lại những cái sai quấy, những lỗi lầm của mình. Can đảm ra trước quần chúng để xin phát lồ sám hối. Cầu tiến bằng cách mong mọi người chung quanh nhìn thấy cái sơ sót lỗi lầm của mình, chỉ bảo cho mình chữa cái. Đó mới đúng là tinh thần Vu-lan. Đúng tinh thần đó thì việc làm nào cũng thành tựu như ý. Do đó trong đạo Phật, thường nói ngày tự tứ là ngày có công đức lớn.

Lễ Vu-lan, tinh thần giác ngộ là thế đó, không phải ý vào sức cầu nguyện mà không tự giác. Đức Phật chọn ngày tự tứ để khuyên Phật tử làm lễ Vu-lan là do ý nghĩa này.

Giờ đây chúng tôi nói tới giác ngộ. Có phải giác ngộ ở chừng này thôi hay còn phải giác ngộ thế nào nữa? Ở đây chúng tôi cũng lược nêu lên qua một ít điểm giác ngộ để quý vị thấy. Với tinh thần Vu-lan giác ngộ của những người biết tự giác và biết cầu tiến. Ở trong phạm vi phạm phụ còn là phạm Tăng chúng ta phải mong giác ngộ và cầu tiến như thế.

Tiến dần lên những bậc Thánh tăng thì sự giác ngộ thế nào? Đây tôi kể trong đạo Phật có những vị Thánh tăng chứng quả Thanh văn, Duyên giác hay là Bích-chi Phật đến Bồ-tát v.v... Những vị giác ngộ đó như thế nào? Những hàng Thanh văn sau khi nghe Phật nói pháp Tứ đế: Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế, các vị nhận đúng như thật, đúng tinh thần giác ngộ. Nhận rõ ràng không nghi ngờ gọi là chứng đạo hay thấy đạo. Khi thấy đạo, chứng đạo rồi bước vào hàng Tu-đà-hoàn lần đến A-la-hán. Như vậy chỗ giác ngộ đó như thế nào? Thí dụ như nghe đức Phật nói: “tất cả thế gian là khổ” chư Tỳ-kheo thấy như thế nào? Biết lời Phật đúng hay là không đúng? Phần nhiều vị nói thế gian là khổ, cứ nghĩ khổ là đối khổ, là lạnh khổ là đau ốm v.v... Cho những điều khổ đó là khổ của Phật nói. Sự thật đức Phật nói thế gian khổ, là vô thường. Tại sao vô thường là gốc của khổ? Bởi vì thông thường kể nào Tứ khổ, nào Bát khổ. Tứ khổ là sanh lão bệnh tử. Bát khổ là Tứ khổ thêm cầu bất đắc khổ, ái biệt ly khổ, oán tắng hội khổ, và ngũ ấm xí thạnh khổ. Như vậy cái khổ đó ở trong qui luật vô thường. Người ta ai không nghĩ rằng mình sanh ra lớn lên, trong khi tuổi trẻ còn khỏe mạnh sung túc, ít năm thấy mình già mặt nhăn má cốp. Lúc đó có buồn hay không? Răng lung lay nhai không biết ngon, mắt mờ thấy không xa không rõ. Tất cả những hiện tượng đó đều là hiện tượng khiến mình không được vui. Không được vui tức là khổ, là bất như ý. Thường thường cái khổ là cái bất như

ý? Ý mình không muốn bị mất mờ tai điếc, răng rụng, má cốp, mà tất cả cái đó nó tới, mình có vui hay không? Đó là bất như ý, mà bất như ý là khổ. Cái khổ đó là gì? - Là vô thường. Mình đang mạnh khỏe, hoạt động tự do, tới lui tự tại, phát lên đầu rên hi hi đi không được, hoạt động không được, mình có khổ hay không? Đó là bất như ý, đó là khổ. Như vậy sanh già bệnh chết đều là tướng trạng vô thường, đều là khổ. Cái khổ đó có người nào khỏi hay không? Nếu nói khổ do đời rách thì đức Phật nói không phải chân lý, mà nói riêng cho một nhóm người nào thôi, vì có người không đời rách thì họ không khổ. Khổ là nói chung cho toàn thể con người. Con người nào cũng nằm trong luật Vô thường. Mà đã nằm trong vô thường thì bất như ý. Đã bất như ý thì khổ đau. Cái khổ đó nếu chúng ta thấy tường tận tức là nhận chân được khổ đế. Nhận chân được khổ đế rồi, vậy khổ từ đâu mà có? - Từ tập đế. Tập đế là gì? Đức Phật nói là tham sân si. Nếu nói rộng ra thì mạn, nghi, ác kiến, tức là sáu thứ căn bản phiền não, nói rộng nữa thì tới mấy chục thứ phiền não. Tóm lại tất cả phiền não gốc từ tham sân si mà ra.

Sở dĩ chúng ta thấy chúng ta già nên buồn, bất như ý là tại sao? Là tại chúng ta có lòng tham muốn mình được trẻ mãi. Nếu chúng ta không có lòng tham muốn trẻ hoài thì già đến có buồn không? Tóm lại trong ba cái tham sân si, si là gốc. Tại si mà mình không thấy được vô thường, không nhận được lý vô thường nên mình mới tham hoài, mới nghĩ tới sống mãi. Phải vậy không? Nghe đến cái chết là run lên, nghe đến cái già thì buồn đi. Đó là tham. Nếu mình biết rõ được lý vô thường là mình phá được cái si rồi. Trong cái vô thường mà nghĩ là thường, là si mê. Biết rõ lý vô thường mong cầu được trẻ mãi, tham được khỏi chết v.v... không còn nữa. Mà cái tham không còn thì cái già chết còn không? Như vậy phá được cái si thì khổ theo đó mà hết.

Cái sân cũng vậy. Sở dĩ chúng ta thấy người khác mình ghét mà gặp mặt nhau thì bực bội gọi là oán tắng hội khổ. Chúng ta nhận được lý vô thường rồi phải biết rằng con người mình là vô thường mọi người cũng vô thường, thì giận nhau hờn nhau làm gì? Tha thứ cho rồi, mình có sống đời đâu mà ôm ấp giận hờn. Tha thứ được thì mình hết khổ, cho nên nhận chân được lý vô thường thì tâm sân dịu xuống. Dịu xuống thì bớt khổ. Như vậy tham sân si là gốc của khổ là Tập đế. Khổ là quả, tham sân si là nhân. Tham sân si giảm thì khổ quả theo đó mà giảm bớt. Quý vị thấy chúng ta tình giác hay là chúng ta giác ngộ được nhân khổ thì cái quả khổ theo đó mà hết. Sở dĩ chúng ta khổ là vì chúng ta tham danh, tham lợi, tham đủ thứ. Cho nên mất một cái thì chúng ta khổ một cái, mất nhiều cái thì chúng ta khổ nhiều cái. Chúng ta tham nên muốn cái gì cũng gom về mình cho nhiều. Mất là đau khổ liền. Như vậy khổ là tự lòng tham. Nếu chúng ta biết tất cả chúng ta đều là vô thường, đã là vô thường thì phải làm sao? - Không nên ôm ấp. Đã là vô thường thì phải chia sẻ nhau. Vô thường mà ôm giữ, điều

đó không phải là vô thường. Phải vậy không? Nếu biết được lý vô thường thì chúng ta phải san sẻ phải chia sẻ. Như vậy là chúng ta dứt lòng tham, tức hết khổ. Chúng ta làm bể cái chén, buồn hai ba ngày. Bởi tại chúng ta tưởng cái chén là còn hoài, nên lỡ bể chúng ta buồn. Nếu biết đó là vô thường lỡ bể rồi thì thôi. Dè dặt mai đừng cho cho bể nữa. Cái khác cũng thế. Biết được lý vô thường nên chúng ta không ôm ấp, không gìn giữ riêng cho bản thân mình. Thân mình là vô thường sự vật cũng vô thường, tại sao mình cứ gom góp? Tại sao mình cứ giữ gìn? Khi gom góp gìn giữ đó là thỏa mãn lòng tham. Khi biết được vô thường thì đâu còn tham nữa. Hết tham là mình hết khổ. Chính vì ngộ được lý vô thường, theo đó khổ sẽ giảm. Vì vậy nên các vị A-la-hán không còn khổ nữa. Còn mình chưa biết được lý vô thường nên mới khổ. Nhưng có nhiều người nói: “Nói như thầy cái gì cũng vô thường hết thì ai muốn làm gì nữa.” Như vậy là lầm ý của Phật. Đức Phật nói vô thường để mà tiến bộ chứ không phải vô thường để mà buông tay.

Quý vị nhớ bài kinh nhật tụng hằng ngày ở chùa, tụng kinh Di-đà rồi chúng ta tụng thêm:

Thị nhật dĩ quá
 Mạng diệt tùy giảm
 Như thiểu thủy ngư
 Tư hữu hà lạc
 Đại chúng đường cần tinh tiến
 Như cứu đầu nhiên
 Đản niệm vô thường
 Thận vật phóng dật.

Nghĩa là: Ngày nay đã qua, mạng sống theo đó mòn đi, như cá cạn nước, còn có gì vui? Thế nên, toàn thể đại chúng gắng mà tinh tấn. Như cứu lửa cháy đầu, chỉ nhớ vô thường, dè dặt chớ buông lung.

Hiểu được lý vô thường rồi phải nỗ lực việc đáng làm phải làm liền đừng chần chờ. Thấy người ta khổ, đôi rách mình có thể giúp được, không nên nói để mai mốt sẽ giúp. Điều đó không phải là hiểu lý vô thường rồi. Biết được lý vô thường cái đáng làm phải làm ngay. Mai mốt biết mình còn hay không? Việc phải làm là làm liền. Giúp được cái là phải giúp liền. Tu được là cố gắng tu liền chớ đừng chờ tới mai tới mốt. Chính đó là biết lý vô thường. Cho nên càng nghĩ đến vô thường càng gắng làm lành làm phải, càng gắng giúp ích cho mọi người và càng cố gắng tiến tu. Đó là hiểu lý vô thường. Chớ nói vô thường rồi buông tay chờ chết là trái với ý của đức Phật dạy. Vì vậy cho nên, chúng ta hiểu rõ được tinh thần đó, hiểu được lý vô thường rồi, chúng ta mới có

thể thương nhau, giúp đỡ nhau mà không có lòng tham gom góp về mình.

Đó là tinh thần của đạo Phật.

Thí dụ chúng ta đi chung một chiếc tàu, chiếc tàu bị giông bão muốn chìm. Tất cả người trong tàu đều là người thân và biết số phận của mình mong manh rồi. Giả sử lúc đó có người bị sóng nhồi ngã qua mình người kia hoặc là té đập lên chân người khác. Lúc đó những người bị té vô mình, hoặc bị đập trên chân có nên giận không? Hẳn là không? Vì lúc đó ai cũng có tâm niệm rằng mạng sống mình không còn bao lâu nữa, giận hờn làm chi. Lo sao cho khỏi cái khổ nạn này, thì giờ đâu mà giận hờn. Đây cũng vậy. Nếu chúng ta hiểu lý vô thường là sao? Như trong kinh Tứ Thập Nhị Chương đức Phật hỏi các vị Tỳ-kheo: “Mạng người sống được bao lâu?” Một thầy Tỳ-kheo trả lời: “Sống được vài năm.” Ngài nói: “Người chưa hiểu đạo.” Thầy Tỳ-kheo khác trả lời: “Sống được trong một bữa ăn.” Ngài nói: “Người chưa hiểu đạo.” Đến vị sau nói: “Chỉ sống trong hơi thở.” Ngài gật đầu nói: “Ông thấy đạo rồi.” Như vậy thấy đạo là thấy được lý vô thường. Nếu mình thấy mạng sống trong hơi thở, khi hơi thở này còn thì chúng ta phải làm lợi mình lợi người chứ. Mạng sống đã mong manh như vậy, tại sao mình còn ôm ấp giận người này buồn người kia, trách người nọ. Như vậy có phải tự mình giết mòn mình hay không? Mà giết mòn một cách vô ích. Vì chúng ta biết lý vô thường nên phải vươn lên, phải làm lợi mình lợi người, đừng sợ sót một giờ phút quý báu nào hết. Đó mới là hiểu được tinh thần vô thường. Biết vô thường mà tinh tấn như cứu lửa cháy đầu. Quý vị thấy có ai bị lửa cháy đầu mà còn đi chơi thông thả hay không? Hay phải tay quơ miệng la đủ thứ hết. Đâu có thể chần chờ được. Chính chúng ta cũng vậy. Nhận được lý vô thường của Phật dạy, chúng ta phải tỉnh giác phải cố gắng làm lợi ích cho mình cho người. Đó là tinh thần vô thường. Tôi đã nói cái khổ để và tập nhân của khổ để.

Tiếp theo đây là diệt để và đạo để, tức là diệt được hết tập nhân. Tập nhân là gì? Là tham sân si. Nếu diệt được thì an nhiên tự tại, đó là Niết-bàn. Muốn diệt được hết tập nhân phải làm sao? Tức là phải tu Ngũ căn, Ngũ lực, Thất bồ đề phần, Bát chánh đạo v.v... Đó là những phương pháp diệt hết mầm đau khổ. Như vậy thấy rõ pháp tứ đế thì chứng được quả A-la-hán. Đó là cái giác ngộ của bậc thánh, nhà Phật gọi là hàng thánh nhị thừa.

Tiến lên một bậc nữa có những vị ra đời ở thế gian mà không gặp Phật pháp, không nghe được pháp Tứ đế của Phật, bỗng nhiên thấy những cuộc hưng suy của cuộc đời hoặc là thấy mùa thu lá rụng, mùa xuân cây cối đâm chồi nảy lộc v.v... tức là sự doanh hư tiêu trưởng của sự vật rồi tự nhiên giác ngộ được lý vô thường. Đó là bậc Độc giác. Tự mình giác ngộ không qua lời Phật dạy, khỏi nghe giáo lý mà không giác ngộ. Kế đến là bậc Duyên giác. Có những hàng nghe đức

Phật nói về mười hai nhân duyên: vô minh duyên hành... cho tới lão bệnh tử. Mười hai nhân duyên đó như sợi dây chuyền nó liên kết không rời. Thấy rõ được lý mười hai nhân duyên tiến tu để được giải thoát đó gọi là bậc Duyên giác. Như vậy chúng ta thấy là A-la-hán là Duyên giác cũng gọi là người giác ngộ, giác ngộ, ở khía cạnh này hay ở khía cạnh khác.

Cho tới giác ngộ cứu kính mà ở đây chúng ta đang thực hành. Giác ngộ của hàng Bồ-tát như trong các kinh: kinh Pháp Hoa, kinh Lăng Nghiêm, kinh Niết-bàn v.v... là chỉ cho giác ngộ cứu kính của đạo Phật. Giác ngộ cứu kính đó là giác ngộ thế nào? Bởi vì hàng Nhị thừa chúng tôi thường gọi là Thanh văn hay Duyên giác đều là nằm trong các pháp đối đãi. Như hàng Thanh văn thì thấy có KHỔ, TẬP là nhân quả của luân hồi. DIỆT, ĐẠO là nhân quả của giải thoát. Tức là bên này là luân hồi, bên kia là giải thoát, có đối đãi. Hàng Duyên giác cũng vậy, thấy mười hai nhân duyên đi chiều thuận là luân hồi. Ngược lại đi chiều hoàn diệt là giải thoát, tức vô minh diệt thì hành diệt v.v... Như vậy cũng là ở trong đối đãi mà ở trong đối đãi thì giác ngộ đó chưa phải là cứu kính, theo tinh thần kinh Niết-bàn.

Cho nên trong kinh Niết-bàn có thí dụ gọi "Xuân trì thập lịch". Tức là mùa Xuân lặn dưới ao mò lên một hòn sỏi, hòn gạch. Xuân trì là cái ao mùa Xuân, thập lịch là lượm gạch hay ngói. Vì trong đó đức Phật nói: Thí như mùa Xuân ao nước trong, có một số người bơi thuyền ở dưới ao chơi. Bỗng nhiên có người cầm hòn ngọc quý buông tay rớt xuống ao. Rớt rồi bao nhiêu người lặn xuống mò. Có người được hòn sỏi, mừng quýnh đưa lên nói tôi được ngọc rồi, nhưng giơ tay lên là hòn gạch chứ không phải ngọc. Khi nhiều người ủa nhau lặn mò, nước đục ngầu, không thấy được hòn ngọc. Kẻ nắm gạch, người nắm ngói gì đó v.v... đưa lên hô là được ngọc mà sự thật không phải. Người khôn ngoan chờ cho nước lắng lặng trong trẻo, mắt nhìn kỹ thấy viên ngọc đang ở chỗ nào, nhảy xuống một cách từ từ, lượm lên nói tôi được hòn ngọc, thì chừng đó mới là ngọc thật. Như vậy thí dụ đó nói cái gì? Tuy hàng Thanh văn Duyên giác cũng thấy được đạo, ngộ được đạo, nhưng mà giác ngộ ở một khía cạnh của sự đối đãi, cũng như người lặn xuống ao lượm được gạch tưởng là ngọc. Chỉ có Bồ-tát là sáng suốt, đợi nước trong rồi tự mình thấy ngọc, thấy rồi mới nắm lấy được hòn ngọc. Quý vị nhớ trong kinh Pháp Hoa, đức Phật nói: các hàng Thanh văn được Niết-bàn. Niết-bàn đó đức Phật cho là gì? Là "Hóa thành" là cái thành Hóa ra để tạm nghỉ chứ không phải là thật. Mà thật thì phải tới "Bảo sở" tức là tới nơi chân chánh, mới là thật. Đó là đề thí dụ cho Bồ-tát.

Như vậy tại sao tôi nói thí dụ đó? Bởi vì hàng Bồ-tát dụ cho người ngồi trên thuyền đợi

nước trong thấy hòn ngọc nằm ngay chỗ nào, rồi mới lặn nhẹ nhàng, từ từ đến ngay chỗ đó nắm lên. Chừng đó mới thật là được hòn ngọc. Nói tóm lại thấy rồi mới nắm lên. Như vậy đúng là tinh thần của Thiên tông gọi là KIẾN TÁN KHỞI TU. Thấy được cái đó rồi mới khởi tu, đó là tinh thần cứu kính của Phật giáo. Vì Phật giáo đi đến chỗ cứu kính không còn đối đãi. Còn đối đãi là chưa đến giác ngộ cứu kính. Thế nên trong kinh Bát-nhã mở đầu cho Đại thừa nói: "Sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc." Mới nghe không ai hiểu gì hết, gì mà sắc sắc không không. Nhưng sự thật đó là một lẽ thật cứu kính, bởi chúng ta mê lầm, nhìn tướng trạng thô, thấy cái bàn này gọi là sắc, còn ở chỗ trống này gọi là không. Minh cho sắc với không là hai cái khác nhau. Phải vậy không? Đây là sắc, đây là không, hai cái khác nhau, một cái có tướng trạng có hình dáng sờ mó được, còn một cái trống rỗng không có gì hết. Đó là chỗ chúng ta thường lầm. Chỗ trống không chúng ta cho đó là không nhưng con mắt Phật giáo không phải vậy. Ngay cái có nó có cái không, ngay cái không đã có cái có. Cái có thô thiên này chúng ta nhìn thấy một hình sắc đầy đặc, nhưng với kính hiển vi mấy trăm lần thì chúng ta thấy nó thưa hờ. Như gương mặt chúng ta thấy như láng, nhưng với kính phóng đại vài chục lần thôi thì sẽ thấy nó sần sùi, có hang lỗ. Như vậy nó có hay là không có là tại con mắt thô hay tế. Nơi hình tướng này có lòng cái không trong đó, còn ngay chỗ không này có cái sắc trong đó. Như chỗ không này có ánh sáng xuyên qua thì chúng ta sẽ thấy bao nhiêu là bụi bặm lắng xăng ở giữa này. Như vậy nó đâu phải là không. Nó chỉ không là không tướng trạng thô kệch mà có những tướng vi tế trong đó, chứ không phải là không hẳn. Chúng ta cứ cực đoan cho đây là không hẳn hay có hẳn, thành ra không nhìn tường tận các pháp ở đời.

Người hiểu đạo thấy trong cái có đã lòng cái không, trong cái không đã lẫn cái có. Thấy như vậy, các Ngài thấy không còn có hai riêng rẽ, không còn có hai đối đãi. Còn thấy hai đối đãi là chưa phải thấy cái thật. Nếu tới chỗ thật là không có hai. Mà nói như vậy thì ai cũng không chấp nhận hết. Tại sao vậy? - Bởi vì tới giác ngộ cứu kính thì không hai mà còn có hai thì chưa phải giác ngộ cứu kính. Nhưng mà làm sao quý vị thấy không hai cho được. Vì thế gian này là thế gian đối đãi. Thật ra nếu quý vị xét cho tường tận, thật tình còn đối đãi thì chưa phải cứu kính. Tại sao? Bởi vì cái thể cứu kính nó không hai. Cũng như Phật và chúng ta. Chúng ta thấy Phật là giác ngộ còn chúng ta là mê lầm. Phật và chúng ta là một hay hai. Nếu chúng ta thấy Phật và chúng ta là một hay là hai thì không biết ai trúng ai trất. Thông thường nói nếu không là hai thì là một chứ gì?

Có thể tôi đi từ từ cho quý vị thấy. Chúng ta thấy đức Phật với chúng ta là hai, vì Phật là giác mà chúng ta là mê, cho nên là hai. Nhưng mà chúng ta mê là mê cái gì? Phật giác là giác cái gì chứ? Chính cái đó mới là quan trọng. Tôi

thí dụ bây giờ đem vàng làm ra chiếc vòng tay, và chiếc cà rá. Đây là chiếc vòng, đây là chiếc cà rá, như vậy quý vị thấy hai hay là một? Đương nhiên là hai rồi, vòng khác cà rá khác. Đó là ta nhìn trên giả tướng của hai món đó. Nếu nói về thể, hai món đó là một hay là hai? - Là một. Như vậy trên hai cái, thể cà rá và vòng cũng là vàng thôi. Vàng có một có hai không? Vàng là vàng nó không có một hai. Có một hai là lập ra để đối đãi chiếc cà rá là một chiếc vòng là hai, chứ vàng là vàng không có một, hai. Thành ra một hai là đối đãi trên giả tướng của hai món đồ thôi. Còn cái thể của món đồ là vàng không nói một hai. Nói một hai là nói cái giả tướng. Cho nên còn có một hai là còn trong đối đãi. Vì vậy mà có vị Tăng hỏi vị Thiên sư: "Phật và chúng sanh là một hay là hai?" Ngài trả lời:

Duy dư nhất đoá tại

Minh nhật khùng tùy phong.

Dịch:

Chỉ còn thừa một đoá

Ngày mai ngại gió rời.

Ngài không nói hai hay một mà nói bây giờ tôi chỉ thấy còn thừa một đoá hoa, ngày mai e gió cũng rụng luôn. Như vậy giai đoạn đầu thấy Phật và chúng sanh là hai, nhưng bước vào giai đoạn kế thấy Phật và chúng sanh không là hai nữa, nên gọi là một. Mà cái một đó tạm thời thôi, chứ cái một đó không phải là cứu kính. Vì cái một đó tạm đặt với cái hai, đến cứu kính một cũng không còn. Cho nên bây giờ tạm thấy còn một đoá hoa, ngày mai gió thổi, nó cũng rơi luôn không còn nữa. Còn nói một là nói tạm chứ nó không thật. Còn nói một là đối với hai. Tới chỗ cứu kính thì cái hai không còn nữa. Nói như vậy cho quý vị thấy chỗ giác ngộ đó cần phải thấy như thế. Cho nên Thiên tông kể rằng sau khi ngộ đạo, đức Phật nói như trong kinh Hoa Nghiêm chép: "Lạ thay! lạ thay! Tất cả chúng sanh đều có đầy đủ trí tuệ đức tướng Như Lai, vì bị vọng tưởng mê làm che lấp không thấy, không hiểu không biết."

Ngài thấy rõ chúng sanh ai cũng đều có trí tuệ đức tướng Phật hết. Như vậy thành Phật là thành cái chúng sanh sẵn có. Ngộ đạo là ngộ cái sẵn có ở chúng sanh, và chúng sanh mê là mê cái sẵn có mà quên đi. Cái mình sẵn có mà quên đi gọi là mê. Thành Phật không có gì lạ, là nhận được cái sẵn có của chính mình. Vì vậy có một vị Thiên sư ở trong hội ngài Qui Tông, nửa đêm la: "Tôi ngộ rồi, tôi ngộ rồi." Trong đại chúng ai cũng lấy làm lạ không biết ông ấy ngộ cái gì? Sáng hôm sau ngài Qui Tông lên pháp tòa hỏi: "Vị Tăng hỏi hôm nói ngộ rồi ra đây xem." Vị Tăng bước ra. Ngài hỏi: "Ông thấy cái gì mà nói ngộ?" Ông ấy trả lời bằng câu: "Sư cô thị nữ nhân tác." Nghĩa là: Sư cô vốn là người nữ làm ra chứ không có gì lạ hết. Ngài Qui Tông gật đầu nói: Chính ông ngộ.

Như vậy ngộ là cái gì? Thường thường chúng ta tưởng ngộ là ngộ cái gì ở bên trời kia, chứ không ngờ chính ngộ là ngộ cái sẵn có của mình. Mình cứ nói thành Phật là có hào quang rực rỡ hay có gì lạ. Những cái đó phải có mới là Phật, không ngờ thành Phật là SẴN LẠI VỚI CÁI SẴN CÓ CỦA CHÍNH MÌNH. Cái sẵn có của chính mình, nếu mình sống được với chính nó, mình trở về với chính nó, đó gọi là giác ngộ thành Phật. Tại sao vậy? Vì cái mình có mà mình bỏ quên gọi là mê, giờ đây mình biết được gọi là giác. Giác tức là ngộ. Người giác ngộ tức là Phật, chứ không có gì lạ hết.

Như vậy nói ni cô tưởng đâu cái gì xa lạ linh thiêng cao cả, nhưng sự thật ni cô vốn là một cô gái. Bây giờ cạo đầu mặc áo thành sư cô chứ có gì lạ đâu? Nói Phật, tưởng Phật ở đâu và có gì lạ đời, không ngờ cũng chính là cái sẵn có của mình chứ không phải đâu lạ. Cho nên một vị khác, sau khi ngộ đạo cũng làm bài thơ, câu chốt ông nói rằng: Lý Bạch nguyên lai thị tú tài. Tức là ông Lý Thái Bạch, nhà thơ ai nghe nói cũng nể. Mà xét kỹ lại ông cũng chỉ là ông tú tài như bao nhiêu ông tú tài khác, chứ không có gì lạ. Chính cái đó là để chỉ cho cái ngộ là ngộ cái sẵn có của mình. Vì vậy đức Phật sau khi thành Phật, Ngài nói: "Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành." Bởi vì Ngài có cái đó, tất cả chúng sanh cũng có cái đó. Không phải Ngài ngộ cái gì khác, mà ngộ ngay trong thân tứ đại ngũ uẩn này là cái thân vô thường sanh diệt, có sẵn cái không sanh không diệt. Nhận được cái không sanh không diệt nơi mình gọi đó là ngộ đạo, chứ không phải tìm cái gì xa xôi. Mà cái không sanh không diệt đó nơi phàm phu cũng có. Cũng như sư cô có sẵn ở những cô cụ sĩ đầu có tóc, chứ có gì lạ đâu. Chỉ cần một khi nào đó thay đổi hình thức, đổi thay tâm niệm là thành sư cô chứ gì? Như vậy không có gì xa lạ, mà mình tưởng cái đó ở đâu, từ phương trời nào đến. Thế nên tinh thần giác ngộ của đạo Phật là giác ngộ ngay cái thực tế hiện tại. Vì vậy người giác ngộ rồi thì không còn thấy hai. Đó mới là giác ngộ cứu kính.

Không thấy hai cho nên không nghĩ rằng cõi mình đây là cõi Ta-bà khổ, còn cõi Cực Lạc là cõi Phật A-di-đà an vui. Quý vị có nghĩ bỏ cõi này chạy qua bên kia vui hay không? Nếu ngay trong cõi khổ, khéo biết thì mình được vui rồi. Mình mê thì tạo nghiệp xấu xa là khổ. Ngay trong cái khổ mà biết chuyển hương, biết thay đổi tâm niệm, biết làm những điều lành điều phải, biết chia cơm xẻ áo với mọi người, biết sống trong tình đoàn kết anh em, tự nhiên mình vui. Cái khổ là cũng tự mình tạo, tự mình có những tham, tự mình có những sân, tự mình có những si, rồi mình đau khổ. Phải vậy không? Nếu dẹp bỏ tham sân si rồi, ngay cõi này có phải là cực lạc hay chưa? Vậy có nên tìm cực lạc bên kia hay không? Nếu chúng ta thấy bên kia là Cực Lạc, bên này là Ta-bà, là còn thấy hai. Mà còn thấy hai là còn thấy đối đãi, chưa là lẽ thật. Vậy người hiểu đạo đúng theo tinh thần Đại thừa là ngay ở trong các cảnh khổ, ngay trong cái chỗ mà người ta cho là xấu xa

minh khéo chuyển thành an lạc, tốt đẹp, chứ không phải bỏ đây cầu kia.

Đó là tinh thần đạo Phật. Đạo Phật không có bỏ để trốn để cầu. Có nhiều người lầm nghĩ rằng mình tu là phải trốn thiên hạ, phải bỏ hết những cái gì đâu đâu. Đó là lầm lẫn. Tu là chính mình phải thay đổi những cái tâm xấu xa của mình là tham sân si. Nếu chuyển được tham sân si thì Ta-bà thành Cực Lạc. Còn không chuyển được tham sân si, ôm tâm niệm tham sân si, cầu về Cực Lạc, Cực Lạc cũng biến thành Ta-bà. Vì còn tham sân si, thì ở đâu cũng rầy lộn đánh lộn. Mà rầy lộn đánh lộn, giành giật đó là gốc của Ta-bà. Cho nên chúng ta chuyển đổi được tâm niệm tham sân si thì ngay Ta-bà thành Cực Lạc. CÒN KHÔNG CHUYỂN ĐỔI ĐƯỢC TÂM NIỆM THAM SÂN SI THÌ CỰC LẠC BIẾN THÀNH Ta-bà. Đó là sự thật cho nên hiểu đạo thì chúng ta nên hiểu như vậy. Ngay trong cuộc đời này, dù ở trong hoàn cảnh nào đi nữa, chúng ta cũng vẫn an vui. Chúng ta thấy đây không phải là khổ, chính đây nếu ta khéo chuyển thì cõi này là cõi Cực Lạc, chứ không phải chờ về Cực Lạc mới thấy Cực Lạc. Như vậy tinh thần đạo Phật đến chỗ cứu kính giác ngộ mới thấy rằng chính mình và mọi người, chính mình và các hoàn cảnh đều không phải là vấn đề hai ba. Ngay nơi tâm niệm mình chuyển hướng hết những cái xấu xa của mình thì hoàn cảnh nào cũng là hoàn cảnh tốt đẹp. Ở trong chỗ nào cũng là chỗ tiến bộ, chứ không phải xấu xa. Xấu xa chính vì cái ấp ủ tham lam, ấp ủ sân si của mình nên thấy xấu xa. Dứt hết những cái đó thì tự nhiên nó sáng sửa tốt đẹp.

Thế nên các Thiền sư lúc nào cũng thấy cõi đời là đẹp. Đẹp như một bài thơ. Tại vì thấy ở đâu cũng là tốt, ở đâu cũng là sáng sửa. Còn chúng ta vì mang cặp kính ử rữ buồn bã, nên thấy cái gì cũng buồn. Phải vậy không? Nếu mình mang cặp kính tươi sáng trong lòng, nhìn cái gì mà không vui. Phải vậy không? Khi nào trong quý vị tâm hồn đượm ưu tư buồn bã thì nhìn thấy cái gì cũng buồn bã theo. Nếu tâm hồn quý vị sáng suốt phần khởi vui vẻ thì nhìn cái gì chẳng vui vẻ. Cho nên chúng ta cần tạo một tâm hồn vui vẻ sáng sửa và tinh giác thì ngoại cảnh theo đó mà sáng sửa. Nó không còn tối tăm mờ mịt nữa. Tối tăm mờ mịt đó là cái mê đen tối của tham sân si, chứ không phải gì khác.

Hôm nay là ngày Phật hoan hỷ tôi nhắc lại những điểm then chốt cho tất cả quý vị cùng chúng tôi, mọi người chúng ta đều nỗ lực vươn lên. Làm sao luôn luôn tỉnh giác từ thấp lên cao và luôn luôn với tâm niệm cầu tiến lợi mình lợi người để cho chính mình càng ngày càng được an vui, xã hội càng ngày càng thêm tốt đẹp. Đó mới là tinh thần giác ngộ của đạo Phật.